

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 18-02-2022

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh

Bà Võ Thị Mai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân quận G* tham gia phiên tòa: Ông Trần Gia Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 635/2019/DSST ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Đòi lại tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2021/QĐXX-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số a Thống Nhất, phường Q, quận G, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Quách Thị K, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số b Nguyễn Oanh (số cũ c Nguyễn Oanh), phường X, quận G, Thành phố H (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số d Thống Nhất, phường D, quận G, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2021, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án bà Nguyễn Thị T trình bày:

Nguyên vào ngày 20/01/2010, bà Nguyễn Thị T (gọi tắt là nguyên đơn) có cho bà Quách Thị K (gọi tắt là bị đơn) mượn số tiền là 1.645.000.000 (Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu) đồng. Kể từ khi vay đến nay bà K không trả

cho tôi số tiền trên và không muốn gặp tôi cho dù tôi gọi điện thoại và đi tìm bà K nhiều lần nhưng bà K không trả tiền, gây thiệt hại cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân quận G giải quyết đòi lại tài sản mà bà K chưa trả cho tôi số tiền là 1.645.000.000 (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu*) đồng trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn T trình bày:

Nguyên vào ngày 20/01/2010 bà Quách Thị K có làm giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị T để mượn số tiền là 1.645.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) để đóng thuế đất với thời hạn vay là 01 tháng tính tại thời điểm vay.

Toàn bộ số tiền 1.645.000.000 đồng mà vợ tôi là bà Nguyễn Thị T cho bà Quách Thị K vay là tài sản riêng của bà T trong thời kỳ hôn nhân tôi không biết và không liên quan.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập bà Quách Thị K đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà K không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà K tại địa chỉ: Số b Nguyễn Oanh (số cũ c Nguyễn Oanh), Phường 17, quận G, thành phố H, theo Quyết định số 275/2021/QĐ-CCTLCC 16/04/2021 được trả lời của Công an phường 17, quận G, thành phố H ngày 12/05/2021, được biết: “Bà Quách Thị K, sinh năm 1950 có đăng ký hộ khẩu tại số b Nguyễn Oanh (số cũ c Nguyễn Oanh), Phường 17, quận G, Thành phố H. Hiện tại bà K không còn thực tế cư ngụ tại địa phương đi đâu không rõ”.

Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ nơi cư ngụ mới của bị đơn, tuy nhiên nguyên đơn cho biết khi ký kết hợp đồng vay tiền của nguyên đơn bà K thường trú tại số b Nguyễn Oanh (số cũ c Nguyễn Oanh), phường 17, quận G, Thành phố H. Tuy nhiên từ đó đến nay bà K không trả nợ như cam kết và chuyển đi ở nơi khác không báo cho nguyên đơn nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, vì vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của bà K tại địa chỉ chỉ số b Nguyễn Oanh (số cũ c Nguyễn Oanh), Phường 17, quận G, Thành phố H, để xét xử vắng mặt bà K.

Tòa án đã tiến hành đối chất nhưng bà K không đến vì vậy Tòa án không tiến hành đối chất được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà K hợp lệ theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà K không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà K hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tuy nhiên nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền là 1.645.000.000 (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng*); Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Quách Thị K là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Ông Hoàng Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt và ông Tuyệt không có yêu cầu gì đối với số tiền bà K mượn bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Quách Thị K về yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “Đòi lại tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại số b Nguyễn Oanh (số cũ c Nguyễn Oanh), phường 17, quận G, Thành phố H. Đây là vụ án “Tranh chấp đòi lại tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, thành phố H được quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục tố tụng :

- Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về thời hiệu khởi kiện :

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện tuy nhiên bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 03/20102/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi thì không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp về đòi lại tài sản do người khác chiếm hữu, quản lý. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

4. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2010 nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền là 1.645.000.000 (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) và bị đơn đã xác nhận đã nhận đủ số tiền được vay, thời hạn vay là 01 tháng tính từ thời điểm vay chứng tỏ nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự vay mượn tiền là có thật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đến Tòa án để lấy lời khai; đối chất và hòa giải về việc vay và giao nhận số tiền vay là 1.645.000.000 đồng nhưng bị đơn vắng mặt chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền của mình và thừa nhận số tiền nợ nguyên đơn .

Sau khi nhận số tiền trên của nguyên đơn, bị đơn không thực hiện trả lại số tiền trên cho nguyên đơn theo hợp đồng đã ký kết ngày 20/01/2010 và nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với bị đơn nhưng bị đơn chuyển chỗ ở nên đã không liên hệ đòi số tiền trên gây thiệt hại cho nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005 thì chủ sở hữu có quyền yêu cầu người chiếm hữu phải trả lại tài sản đó vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 1.645.000.000 (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn đã vay của nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 1.645.000.000 (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T xác định số tiền trên mà bà T cho bà K vay là tài sản riêng của bà T trong thời kỳ hôn nhân, ông cũng không biết và ông cũng không có yêu cầu gì đối với nguyên đơn và bị đơn do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện và yêu cầu này của nguyên đơn được chấp nhận do đó Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 1.645.000.000 (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Do đó bị đơn phải chịu án phí là 61.350.000 (Sáu mươi một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyên đơn được miễn tiền tạm nộp án phí theo thông báo 507/TB-TA ngày 12/04/2021 của Tòa án nhân dân quận G do đó không hoàn lại tiền án phí cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244; Điều 271, Điều 273, Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Quách Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 1.645.000.000 (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng*), một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà K không trả số tiền trên thì hàng tháng bà K phải chịu thêm phần tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Quách Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 61.350.000 (*Sáu mươi một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo : Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận G;
- Chi cục THA quận G;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)